

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714001611 - Hóa học 2

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Ký tên	Điểm		Mã đề
								Bảng số	Bảng chữ	
1	19002284	Võ Thanh Thiên	An	21/12/2004	19T4-CĐT1	1		7.5	bảy rưỡi	
2	19001504	Trần Đình Quế	Anh	05/10/2003	19T4-TMĐ1	2		7	bảy chẵn	
3	19000234	Lê Gia	Bảo	14/11/2004	19T4-CĐT1	3		8	tám chẵn	
4	19001540	Lương Sỹ	Bảo	02/12/2000	19T4-CĐT1	4		7	bảy chẵn	
5	19002227	Lê Gia	Hào	26/08/2004	19T4-TMĐ1	5		7	bảy chẵn	
6	19000777	Nguyễn Đại	Hào	14/05/2004	19T4-CĐT1	6		6.5	sáu rưỡi	
7	19002238	Bùi Trung	Hiếu	27/01/2004	19T4-TMĐ1	7		7.5	bảy rưỡi	
8	19003199	Nguyễn Trung	Hiếu	12/07/2002	19T4-CĐT1	8		8.5	tám rưỡi	
9	19000998	Bùi Văn	Hoàng	29/10/2004	19T4-CĐT1	9		6.5	sáu rưỡi	
10	19000852	Từ Ngọc	Hoàng	27/10/2003	19T4-CĐT1	10		7.5	bảy rưỡi	
11	19002374	Võ Huy	Hoàng	13/08/2004	19T4-CĐT1	31		8.5	tám rưỡi	
12	19003205	Trần Anh	Huy	21/01/2004	19T4-TMĐ1	34		7	bảy chẵn	
13	19002213	Văn Tô Minh	Huy	01/10/2004	19T4-CĐT1	11		7	bảy chẵn	
14	19000034	Nguyễn Lê Minh	Kha	30/08/2004	19T4-CĐT1	12		8.5	tám rưỡi	
15	19000560	Trần Đăng	Khôi	12/10/2004	19T4-CĐT1	13		8.5	tám rưỡi	
16	19003905	Phạm Hoàng Bảo	Linh	14/11/2003	19T4-TMĐ1	14		7	bảy chẵn	
17	19001063	Nguyễn Văn	Lưu	27/04/2004	19T4-CĐT1	15		7.5	bảy rưỡi	
18	19001608	Nguyễn Phan Quỳnh	Mai	19/08/2004	19T4-TMĐ1	16		7	bảy chẵn	
19	19000337	Nguyễn Thị Kim	Ngân	26/10/2004	19T4-TMĐ1	17		8.5	tám rưỡi	
20	19003393	Phạm Hoàng Yến	Ngân	01/01/2004	19T4-TMĐ1	35		7.5	bảy rưỡi	
21	19001153	Nguyễn Đức	Nghĩa	11/01/2004	19T4-CĐT1	18		8.5	tám rưỡi	
22	19001565	Phạm Thành Công	Nghĩa	03/01/2004	19T4-CĐT1	19	bỏ thi	0	không chẵn	
23	19004506	Lê Trọng	Nguyễn	23/09/2004	19T4-CĐT1	38		7	bảy chẵn	
24	19000022	Đào Tấn	Phát	24/11/2003	19T4-CĐT1	37		7.5	bảy rưỡi	
25	19002542	Nguyễn Thanh	Phát	25/07/2004	19T4-CĐT1	20		7.5	bảy rưỡi	
26	19001248	Vũ Hoàng Thiên	Phúc	11/09/2004	19T4-CĐT1	32		7	bảy chẵn	
27	19001575	Trang Hỷ	Quân	24/12/2004	19T4-CĐT1	21		7	bảy chẵn	
28	19000655	Nguyễn Đào Minh	Quang	31/10/2004	19T4-TMĐ1	33		6.5	sáu rưỡi	
29	19000144	Trần Đăng	Quang	07/04/2004	19T4-TMĐ1	22		7.5	bảy rưỡi	
30	19000542	Lê Phúc Minh	Quốc	11/09/2003	19T4-CĐT1	23		6.5	sáu rưỡi	
31	19001124	Đàm Kim	Quý	12/06/2004	19T4-CĐT1	24		7	bảy chẵn	
32	19001333	Văn Đức	Thiện	12/08/2004	19T4-CĐT1	25		6.5	sáu rưỡi	
33	19000152	Trần Lê	Thịnh	22/10/2004	19T4-CĐT1	26		8.5	tám rưỡi	
34	19000304	Hoàng Văn	Tính	20/12/2004	19T4-CĐT1	27		7.5	bảy rưỡi	
35	19000980	Nguyễn Hoàn Anh	Tú	25/12/2004	19T4-TMĐ1	28		6.5	sáu rưỡi	

36	19000408	Nguyễn Thanh	Tùng	04/08/2004	19T4-CĐT1	29		7.5	bảy rưỡi	
37	19000290	Trần Phúc Thục	Uyên	26/11/2004	19T4-TMĐ1	30		7.0	bảy chẵn	
38										
39										
40										
41										

Ghi chú:

Danh sách gồm 37 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 36 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 01 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Minh Phong

Trịnh Khắc Vũ

TP. HCM, ngày tháng năm 2021
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714001611 - Hóa học
2

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Ký tên	Điểm		Ghi chú
								Bảng số	Bảng chữ	
1	19001675	Âu Kim	Anh	20/04/2004	19T4-TKW1	1		7	bảy chẵn	
2	19000808	Nguyễn Đình Quang	Anh	11/12/2004	19T4-TKW1	2		8.5	tám rưỡi	
3	19000067	Trịnh Đức	Anh	26/02/2004	19T4-TKW1	3		6	sáu chẵn	
4	19000425	Từ Minh Kiên	Cường	01/12/2004	19T4-TKW1	4		7.5	bảy rưỡi	
5	19001787	Vũ Tuấn	Cường	23/03/2004	19T4-TKW1	5		7	bảy chẵn	
6	19001379	Lâm Thành	Đăng	23/09/2004	19T4-TKW1	6		6.5	sáu rưỡi	
7	19001754	Nguyễn Thành	Danh	22/12/2004	19T4-TKW1	40		7.5	bảy rưỡi	
8	19001368	Mã Huỳnh Vĩnh	Đạt	30/10/2004	19T4-TKW1	7		6.5	sáu rưỡi	
9	19001044	Nguyễn Ngọc	Đức	04/11/2003	19T4-TKW1	8		6	sáu chẵn	
10	19001412	Lê Thị Mỹ	Hoa	23/09/2004	19T4-TKW1	36		8	tám chẵn	
11	19001623	Mai Huy	Hoàng	20/10/2004	19T4-TKW1	40		6.5	sáu rưỡi	
12	19000611	Nguyễn Quốc Huy	Hoàng	12/12/2004	19T4-TKW1	9		6.5	sáu rưỡi	
13	19000724	Lê Trần Quang	Huy	01/12/2004	19T4-TKW1	10		8	tám chẵn	
14	19001263	Phạm Gia	Huy	02/10/2004	19T4-TKW1	11		8.5	tám rưỡi	
15	19001361	Dương Trịnh Duy	Khang	24/05/2004	19T4-TKW1	12		7	bảy chẵn	
16	19001683	Lê Quốc	Khang	24/12/2003	19T4-TKW1	42		7.5	bảy rưỡi	
17	19001755	Nguyễn Trường Bảo	Khang	24/08/2003	19T4-TKW1	13		6.5	sáu rưỡi	
18	19001611	Trần Nhuệ	Khang	28/01/2004	19T4-TKW1	14		6.5	sáu rưỡi	
19	19001545	Nguyễn Tăng Thanh	Khoa	17/12/2004	19T4-TKW1	15		8.5	tám rưỡi	
20	19001032	Huỳnh Kim	Long	29/09/2004	19T4-TKW1	16		6.5	sáu rưỡi	
21	19000402	Nguyễn Bảo	Long	31/03/2004	19T4-TKW1	17		6.0	sáu chẵn	
22	19000685	Nguyễn Nam	Long	25/03/2004	19T4-TKW1	18		8.0	tám chẵn	
23	19001584	Lê Nguyễn Quang	Minh	27/12/2004	19T4-TKW1	19		7.0	bảy chẵn	
24	19001878	Nguyễn Nhật	Minh	09/06/2001	19T4-TKW1	41		7.5	bảy rưỡi	
25	19000599	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	17/06/2004	19T4-TKW1	35		8	tám chẵn	
26	19000177	Chu Nguyễn Tuấn	Ngọc	18/08/2003	19T4-TKW1	20		6.5	sáu rưỡi	
27	19000703	Bùi Thanh	Nhàn	10/06/2004	19T4-TKW1	21		7.5	bảy rưỡi	
28	19001482	Lê Phương	Nhi	13/05/2004	19T4-TKW1	22		8.5	tám rưỡi	
29	19001253	Trần Thị Yến	Nhi	22/05/2004	19T4-TKW1	23		7.0	bảy chẵn	
30	19001770	Lê Vĩ	Phát	25/01/2004	19T4-TKW1	24		6.5	sáu rưỡi	
31	19001410	Hà Văn Hoàng	Phước	11/11/2004	19T4-TKW1	39		7.0	bảy chẵn	
32	19000222	Hà Việt	Quang	22/06/2004	19T4-TKW1	25		8.0	tám chẵn	
33	19000885	Nguyễn Đắc Nhân	Tâm	02/03/2004	19T4-TKW1	26		6.5	sáu rưỡi	
34	19001161	Lê Quốc	Thái	24/01/2004	19T4-TKW1	27		7.0	bảy chẵn	
35	19000806	Phùng văn	Thái	19/04/2004	19T4-TKW1	39		6.5	sáu rưỡi	
36	19001733	Võ Thị Minh	Thảo	28/11/2004	19T4-TKW1	37		8	tám chẵn	
37	19004021	Phùng Quốc	Thiện	18/10/2003	19T4-TKW1	28		6.5	sáu rưỡi	
38	19001529	Phan Hữu	Tín	30/05/2004	19T4-TKW1	29		7.0	bảy chẵn	
39	19001707	Trần Lê Bảo	Trân	31/10/2004	19T4-TKW1	30		7.5	bảy rưỡi	

40	19001759	Phạm Ngọc Phương	Trình	29/07/2003	19T4-TKW1	31		7.5	bảy rưỡi	
41	19000681	Lê Mạnh	Tường	08/03/2004	19T4-TKW1	32		7.5	bảy rưỡi	
42	19001513	Trần Tuấn	Việt	13/02/2004	19T4-TKW1	38		8	tám chẵn	
43	19001289	Chang Bá	Vũ	07/07/2004	19T4-TKW1	33		7.0	bảy chẵn	
44	19005007	Nguyễn Phạm Thanh	Vũ	15/11/2002	19T4-TKW1	34		8.5	tám rưỡi	
35										
36										
37										

Ghi chú:

Danh sách gồm 44 sinh viên.

Số dự kiểm tra là 44 sinh viên.

Số vắng kiểm tra là 44 sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Minh Phong

Trịnh Khắc Vũ

TP. HCM, ngày tháng năm 2021
Trưởng khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....